

## QUYẾT ĐỊNH

### CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

### VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

#### TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào các điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 413/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Căn hộ A Dự án chung cư H, số A đường H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Căn hộ A12.03 Dự án chung cư H, số A đường H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Hoàng Y được xác lập vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Hoàng Y được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, cả hai đều nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét thấy tình cảm giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Hoàng Y đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Hoàng Y là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hoàng Y và ông Nguyễn Thanh T có 02 (Hai) con chung Nguyễn Đức Hoàng D, sinh ngày 18/02/2003 (Đã thành niên) và Nguyễn Thị Phương U, sinh năm 09/3/2008. Sau khi ly hôn cả hai thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị Hoàng Y trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Phương U, sinh năm 09/3/2008. Ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng năm triệu đồng.

[4] Về tài sản chung: Cả hai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Cả hai tự khai không có nợ chung.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Hoàng Y chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

[7] Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Hoàng Y thuận tình ly hôn (Đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 3 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận B, Thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01).

- Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Hoàng Y và ông Nguyễn Thanh T có 02 (Hai) con chung Nguyễn Đức Hoàng D, sinh ngày 18/02/2003 (Đã thành niên) và Nguyễn Thị Phương U, sinh năm 09/3/2008. Sau khi ly hôn cả hai thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị Hoàng Y trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Phương U, sinh năm 09/3/2008.

Ông Nguyễn Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng năm triệu đồng. Thời gian cấp dưỡng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc phát sinh căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Trong trường hợp ông Nguyễn Thanh T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì kể từ ngày bà Nguyễn Thị Hoàng Y có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Thanh T phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1



Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông Nguyễn Thanh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Hoàng Y không được lợi dụng quyền nuôi con để cản trở việc thăm nuôi, chăm sóc giáo dục con chung của ông Nguyễn Thanh T.

- Về tài sản chung: Cả hai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nợ chung.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Hoàng Y cùng liên đới chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019131 ngày 01 tháng 7 năm 2024 của chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/2024 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 000001406442 ngày 27 tháng 6 năm 2024, đơn vị nhận tiền 3949.0.1053934.00000, số tài khoản 3949.0.1053934.00000 tại Kho bạc nhà nước Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Thông báo nộp tiền số 419 ngày 26 tháng 6 năm 2024, Mã thông báo: 2TPCVX6DHX. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành dân sự Quận 7;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ TK Việt Phương (10).

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Bùi Viết Bình**